

Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ

Bảo Lâm, ngày 15 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 21/2025/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: chị N, sinh ngày 04/12/1995; số căn cước: 004195007749, cấp ngày 03/5/2022.

Nơi đăng ký thường trú: xóm L, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ở hiện nay: Thôn Th, xã Y, huyện N1, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: anh T, sinh ngày 07/9/1986; số căn cước: 004086009395, cấp ngày 12/11/2024.

Nơi cư trú: xóm L, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 và điểm b, khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận sự T tình ly hôn giữa chị N và anh T.

[2]. Sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T thỏa T tự nguyện T tình ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân.

2.2. Về Con chung: Chị N và anh T có 01 (Một) con chung, có tên gọi: L, sinh ngày 24/11/2013.

Hiện nay cháu L đang sống chung với mẹ đẻ (chị N) tại Thôn Th, xã Y, huyện N1, tỉnh Tuyên Quang. Khi ly hôn chị N, anh T cùng thỏa T, nhất trí với nhau và dựa trên nguyện vọng của cháu L, để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T tự thỏa T, thống nhất để chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Cụ thể, chị N thực hiện mức cấp dưỡng hàng tháng đối với cháu L số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/ 6/2025.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

2.4. Nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản: Trong thời gian hôn nhân chị N và anh T không cho ai vay và cũng không vay, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị N và anh T mỗi người phải chịu số tiền 75.000 đồng, án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, chị N tự nguyện nộp thay án phí cho anh T số tiền 75.000 đồng, chị N còn phải chịu số tiền 150.000 đồng, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo luật định. Tổng số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải nộp số tiền 300.000 đồng, (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

(Xác nhận chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai số: 0003629, ngày 18/4/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng).

Các đương sự đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện;
- VKSND huyện;
- UBND thị trấn P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Đức Thọ